TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2023
V/v tranh chấp HNGĐ: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH , TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Đinh Lan Hương – Thẩm phán trung cấp, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân gia đình – Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Bùi Thị Phương H** – Sinh năm 1992

2. Bị đơn: anh **Nguyễn Duy Kh** – Sinh năm 1990

HKTT và Nơi cư trú: tổ dân phố Trung, phường Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

(Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2022, bản tự khai, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn – chị H trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Phương H và anh Nguyễn Duy Kh kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Minh (xã Trung Minh cũ), TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trên cở sở tự nguyện, có tự do tìm hiểu và

cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ cH chung sống hạnh phúc bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh Kh thường xuyên say rượu xúc phạm đánh chửi vợ; tham gia chơi lô đề cờ bạc cắm kí tài sản trong gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra bản thân hai bên, gia đình, bạn bè đã hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Kh cam kết sửa chữa, chị H cũng đã cho cH thời gian khắc phục sai lầm nhưng không có kết quả. Chị H thấy tình cảm vợ cH không còn, hôn nhân gây áp lực trong đời sống nên kiên quyết xin ly hôn.

1.2. Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: chị H và anh Kh có 02 con gái chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Mai Trang, sinh ngày 29/11/2017. Khi ly hôn chị H xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết;

1.4. Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Tại các Bản tự khai, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, Bị đơn – anh Kh trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Kh xác nhận về thời điểm, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Anh Kh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ cH có cãi vã, xô xát nhưng nguyên nhân do chị H không chia sẻ nói chuyện với anh Kh; việc uống rượu, chơi lô đề cờ bạc cũng không phải thường xuyên. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Kh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ cH tiếp tục chung sống, không muốn các con ly tán, anh Kh sẽ khắc phục sửa chữa những việc chưa đúng.

2.2. Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: chị H và anh Kh có 02 con gái chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Mai Trang, sinh ngày 29/11/2017. Khi ly hôn anh Kh xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết;

2.4. Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân TP Hòa Bình: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ xử cho chị H ly hôn anh Kh. Về con chung: đề nghị HĐXX căn cứ vào thu nhập, điều kiện nuôi dưỡng, lứa tuổi giao cháu Thư cho anh Kh nuôi dưỡng, giao cháu Trang cho chị H nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; chị H phải nộp án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Hòa Bình do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo điểm (a) khoản 1 Điều 35, điểm (a) khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và nộp tạm ứng án phí nên việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định các Điều 69, 186, 189, 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các bên đương sự; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, các phiên hòa giải. Do các đương sự không thuận tình ly hôn, không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại các lần mở phiên tòa do đương sự vắng mặt, người tiến hành tố tụng vắng mặt không có người thay thế do vậy HĐXX hoàn phiên tòa. Ngày 23/3/2023 phiên tòa được mở lại.

[2] Về nội dung

2.1. Quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Phương H và anh Nguyễn Duy Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Minh, TP Hòa Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 ngày 03/5/2023, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời trình bày của hai bên đương sự, HĐXX nhận định: Mặc dù anh Kh trình bày vẫn yêu thương vợ con nhưng chị H xác định tình cảm vợ cH không còn, không muốn duy trì cuộc sống chung vợ cH. Bản thân anh Kh không đồng ý ly hôn nhưng không có ý thức giữ gìn níu kéo hôn nhân, không thay đổi khắc phục sửa chữa sai lầm, không có biện pháp hòa giải. Chị H và anh Kh đã ly thân, chị H chuyển khỏi nhà từ năm 2020 cho đến nay, hai bên không còn liên hệ tình cảm. Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương đều xác định: chị Phượng và anh Kh có mâu thuẫn, chị Phượng đã đi khỏi nhà từ 2020 đến nay, hiện vợ cH ly thân. Như vậy hôn nhân giữa anh Kh và chị H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị H ly hôn anh Kh theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.2. Con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Chị H và anh Kh có 02 con gái chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Mai Trang, sinh ngày 29/11/2017. Khi ly hôn chị H, anh Kh đều xin nuôi cả hai con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con. Việc xem xét quyết định giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng cần đảm bảo về điều kiện nuôi dưỡng, trẻ em được chăm sóc, giáo dục phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, yếu tố giới tính, tránh ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ. Cháu Thư, hiện 10 tuổi, có thể tự chăm sóc sinh hoạt cá nhân nên giao cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Cháu Trang, còn nhỏ, hiện 06 tuổi cần sự chăm chút nhiều hơn nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Tài sản chung: không có; không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. Công nợ chung, nghĩa vụ tài sản, công sức đóng góp: không có; không yêu cầu giải quyết.

2.5. Án phí:

Nguyên đơn – chị H phải nộp 300.000Đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm (a) khoản 1 Điều 39; Điều 96, 147, 244, 271, 273 Bộ luật TTDS;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Bùi Thị Phương H ly hôn anh Nguyễn Duy Kh.

3. Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Chị H và anh Kh có 02 con gái chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Mai Trang, sinh ngày 29/11/2017.

Giao cháu Nguyễn Anh Thư cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Nguyễn Mai Trang cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, hai bên cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom con chung;

hai bên không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Tài sản chung: không có; không yêu cầu Tòa giải quyết.

5. Công nợ chung: không có; không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Chị Bùi Thị Phương H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001286 ngày 25/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP Hòa Bình.

6. Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN –**